TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 03/7/2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Kim Ngân.
2. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: **Ông Vũ Đình Rư** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/TLST- DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST – DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST – DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam TV.

Địa chỉ: 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - VPBank Hội sở kiêm Phó Tổng Giám đốc VPBank AMC.

(Theo văn bản ủy quyền số 04/2017/UQ – HĐQT ngày 18/01/2017 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị VPBank).

Địa chỉ liên hệ: Tầng 2 – Số 296 PXL, phường 7, Quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Phạm Văn D và ông Bùi Xuân Q – Chuyên viên tố tụng – Vpbank AMC. (Ông Phạm Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Bùi Xuân Q vắng mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 20194/2018/UQ - VPB ngày 22/8/2018).

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 2 – Số 296 PXL, phường 7, Quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

Bà Phạm Hồng T, sinh năm: 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố LS, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Đình T, sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố LS, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2018, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do ông Phạm Văn D trình bày:

Ngày 23/2/2016 Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng số 6405081 theo đó Ngân hàng cho bà Phạm Hồng T vay số tiền là 99.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay sửa nhà. Bà Phạm Hồng T đã nhận toàn bộ số tiền vay, khi vay không thế chấp tài sản gì. Lãi suất trong hạn là 26%/01 năm (lãi suất dao động theo từng thời kỳ), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn trả nợ là 60 kỳ, tương đương với 60 tháng, việc trả nợ được thực hiện hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bà T đã trả được cho Ngân hàng từ ngày 23/3/2016 đến ngày 27/6/2016 số tiền là 11.967.610đ; trong đó tiền gốc là 3.401.954đ; tiền lãi là 8.565.656đ. Đối với hợp đồng này bà T còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 03/7/2019 số tiền là 209.481.371đ; trong đó tiền gốc là 95.598.046đ; tiền lãi là 113.883.325đ (trong đó lãi trong hạn là 75.982.152đ; lãi quá hạn 37.901.173đ).

Ngày 22/2/2016 Ngân hàng đã ký hợp đồng thẻ tín dụng số 325P-643370 đối với bà Phạm Hồng T, theo đó Ngân hàng cho bà T vay số tiền là 40.000.000đ; mục đích vay tiêu dùng, bà Tươi đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng thẻ tín dụng số 325P-643370 theo hợp đồng thẻ tín dụng nếu bà T đã sử dụng số tiền 40.000.000đ thì bà T phải thanh toán cho Ngân hàng trong thời hạn 45 ngày, trong thời hạn này Ngân hàng sẽ không tính lãi đối với số tiền 40.000.000đ mà bà T đã sử dụng nhưng quá thời hạn nói trên bà T không thanh toán cho Ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng. Lãi suất trong hạn là 31.08%/01 năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 46,62%. Thực hiện hợp đồng bà T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 8.000.000đ; trong đó tiền nợ gốc là 3.258.368đ; nợ lãi là 4.741.632đ. Tính đến ngày 03/7/2019 bà Tươi còn nợ Ngân hàng số tiền là 90.031.695đ; trong đó nợ gốc là 36.741.632đ; nợ lãi là 53.290.063đ (lãi trong hạn là 35.526.709đ; lãi quá hạn 17.763.354đ).

Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà Tươi thanh toán số tiền còn thiếu đối với hai hợp đồng trên nhưng bà Tươi cố tình trốn tránh không trả. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Hồng T phải trả số tiền còn nợ đối với hai hợp đồng trên tạm tính đến ngày 03/7/2019 là

299.513.066đ; trong đó nợ gốc là 132.339.678đ; nợ lãi là 167.173.388đ (Lãi trong hạn: 111.508.861đ; lãi quá hạn: 55.664.527đ).

Đồng thời bà Tươi còn phải chịu lãi suất theo hợp đồng tính từ ngày 04/7/2019 cho đến khi bà Tươi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Phạm Hồng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T vẫn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa bị đơn bà Phạm Hồng T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đình T đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký về cơ bản là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ, cấp các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tống đạt các quyết định tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi nhận đơn Tòa án không có biên nhận đơn và thời gian xử lý đơn còn chậm so với quy định, thời hạn xét xử kéo dài quá thời hạn nhưng không có quyết định gia hạn, những thiếu sót vi phạm này không làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết về nội dung vụ án nhưng Tòa án cần rút kinh nghiệm, khắc phục trong việc giải quyết các vụ án khác.

Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Phạm Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP Việt Nam TV khởi kiện bà Phạm Hồng T có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Phạm Hồng T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các đương sự nói trên vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến tham gia phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của

nguyên đơn ông Phạm Văn D và ông Bùi Xuân Q vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Vào ngày 23/2/2016 bà Phạm Hồng T có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền 99.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 6405081, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay sửa nhà. Bà Phạm Hồng T đã nhận toàn bộ tiền vay, khi vay không thế chấp tài sản gì. Lãi suất trong hạn là 26%/01 năm (lãi suất dao động theo từng thời kỳ), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bà T đã trả cho Ngân hàng từ ngày 23/3/2016 đến ngày 27/6/2016 số tiền là 11.967.610đ. Trong đó tiền gốc là 3.401.954đ, tiền lãi là 8.565.656đ. Từ sau ngày 27/6/2016 đến nay bà T không trả thêm cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi suất nào. Theo hợp đồng này tính đến ngày 03/7/2019 bà Phạm Hồng T còn nợ Ngân hàng số tiền 209.481.371đ; trong đó nợ gốc là 95.598.046đ; nợ lãi là 113.883.325đ (Trong đó lãi trong hạn là 75.982.152đ; lãi quá hạn 37.901.173đ).

Ngày 22/2/2016 Ngân hàng đã ký hợp đồng thẻ tín dụng số 325P – 643370 đối với bà Phạm Hồng T, theo đó Ngân hàng cho bà T vay số tiền là 40.000.000đ; mục đích vay tiêu dùng. Bà T đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng thẻ tín dụng số 325P – 643370, theo hợp đồng thẻ tín dụng nếu bà T sử dụng số tiền 40.000.000đ thì bà T phải thanh toán cho Ngân hàng trong thời hạn 45 ngày, trong thời hạn này Ngân hàng sẽ không tính lãi đối với số tiền 40.000.000đ mà bà T đã sử dụng nhưng quá thời hạn nói trên bà T không thanh toán cho Ngân hàng nên đã vi phạm hợp đồng. Lãi suất trong hạn là 31.08%/01 năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 46,62%. Từ ngày mở thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.000.000đ. Trong đó nợ gốc là 3.258.368đ, nợ lãi là 4.741.632đ. Theo hợp đồng này tính đến ngày 03/7/2019 bà T còn nợ Ngân hàng số tiền là 90.031.695đ; trong đó nợ gốc là 36.741.632đ; nợ lãi là 53.290.063đ (lãi trong hạn là 35.526.709đ; lãi quá hạn 17.763.354đ).

Tổng số tiền bà T còn thiếu Ngân hàng theo 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 03/7/2019 là 299.513.066đ; trong đó nợ gốc là 132.339.678đ; nợ lãi là 167.173.388đ (Lãi trong hạn: 111.508.861đ; lãi quá hạn: 55.664.527đ).

Xét thấy, các thỏa thuận của đương sự trong các hợp đồng nêu trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán số tiền còn thiếu đối với 02 hợp đồng trên nhưng bà T cố tình trốn tránh không trả.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bà Phạm Hồng T nhưng hết thời hạn thông báo theo quy định của pháp luật bà T vẫn không có ý kiến phản hồi. Tòa án tiến

hành xác minh nơi sinh sống của bà T tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Kết quả xác minh cho thấy vào thời điểm bà T ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng thì bà T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Khu phố Láng Sim, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau đó bà T bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương. Như vậy, bà T đã cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Bà Phạm Hồng T đã vi phạm phương thức trả nợ gốc và nợ lãi mà các bên đã ký kết tại các hợp đồng tín dụng nói trên. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV, buộc bà Phạm Hồng T phải trả cho Ngân hàng theo 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 03/7/2019 là 299.513.066đ; trong đó nợ gốc là 132.339.678đ; nợ lãi là 167.173.388đ (Lãi trong hạn: 111.508.861đ; lãi quá hạn: 55.664.527đ) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Phạm Hồng T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 227, Diều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010)

Căn cứ vào Điều 281, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đối với bị đơn bà Phạm Hồng T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Tuyên xử:

1. Buộc bà Phạm Hồng T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV tổng số tiền gốc và tiền lãi của hai hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 03/7/2019 là 299.513.066đ (Hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm mười ba nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: nợ gốc là 132.339.678đ; nợ lãi là 167.173.388đ (Lãi trong hạn:111.508.861đ; lãi quá hạn: 55.664.527đ). Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 6405808 ngày 23/2/2016 là: 209.481.371đ. Trong đó: Nợ gốc: 95.598.046đ; nợ lãi: 113.883.325đ (Lãi trong hạn: 75.982.152đ; Lãi quá hạn: 37.901.173đ)

+ Hợp đồng thẻ tín dụng số 325P – 643370 ngày 22/2/2016 là: 90.031.695đ. Trong đó: Nợ gốc: 36.741.632đ; nợ lãi: 53.290.063đ (Lãi trong hạn: 35.526.709đ; Lãi quá hạn: 17.763.354đ)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi

suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Bà Phạm Hồng T phải chịu 14.976.000đ (Mười bốn triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền tạm ứng án phí 5.649.000đ (Năm triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001606 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo